

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 27/5/2024 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình;

Căn cứ hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 253/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 03 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế”.

XÉT THẤY:

Việc thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1949; Địa chỉ: **Ô lô C**, khu di dân 4ha, **phường P, quận B, Hà Nội**.

* Bị đơn: Chị **Vũ Quỳnh T**, sinh năm 1975; Địa chỉ: **Số C ngõ A Hồ N, phường P, quận B, Hà Nội**.

* Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Vũ Hồng A**, sinh năm 1977; Địa chỉ: **Số C ngõ G N, quận B, Hà Nội**.

Đại diện ủy quyền: **Công ty L1** do ông **Lương Thành Đ** làm đại diện theo pháp luật.

- Chị **Vũ Quỳnh M**, sinh năm 1987; Địa chỉ: **Ô lô C**, khu di dân 4ha, **phường P, quận B, Hà Nội**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông **Vũ Hải L** (sinh năm 1942, chết năm 2019) có bố mẹ đẻ là cụ **Vũ Văn X** (chết năm 1971) và cụ **Nguyễn Thị T1** (chết năm 2006). Ông **L** chết không để lại di chúc. Ông **L** và bà **Phạm Thị N** có 03 người con đẻ là **Vũ Quỳnh T**, **Vũ Hồng A** và **Vũ Quỳnh M**. Ngoài ra ông **L** không có người con đẻ hoặc con nuôi nào khác.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của ông **Vũ Hải L** là ngày 21/10/2019.

- Xác định ông **Vũ Hải L** có 04 người thừa kế là bà **Phạm Thị N**, chị **Vũ Quỳnh T**, chị **Vũ Hồng A** và chị **Vũ Quỳnh M**.

- Xác nhận: Ông **Vũ Hải L** và bà **Phạm Thị N** có tài sản chung là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ 99, diện tích đất 30m² tại địa chỉ tại **lô C khu 4ha, cụm I, phường P, quận B, thành phố Hà Nội**, trên đất có một nhà cấp 3, diện tích sàn xây dựng 120 m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 451676, do **Sở Tài nguyên Môi trường thành phố H** cấp ngày 18/6/2021, số vào sổ cấp GCN CS-BD-09842 cho bà **Phạm Thị N** đồng thời là đại diện các thừa kế của ông **Vũ Hải L**. Giấy chứng nhận này được cấp lại từ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu đất số 10101010489 do **Ủy ban nhân dân thành phố H** cấp ngày 08/04/2002 do bị mất. Ông **L** và bà **N** mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất trên có giá trị là 3.101.267.530 đồng (*Ba tỷ, một trăm linh một triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi đồng*).

- Di sản thừa kế của ông **L** để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tại địa chỉ **lô C khu 4ha, cụm 9 (địa chỉ mới là số B ngõ A đường H), phường P, quận B, thành phố Hà Nội**, có giá trị là 3.101.267.530 đồng (*Ba tỷ, một trăm linh một triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi đồng*).

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Vũ Hồng A** và chị **Vũ Quỳnh M** tặng cho bà **Phạm Thị N** phần di sản thừa kế mà chị **Hồng A** và chị **M** được hưởng từ ông **Vũ Hải L** có giá trị là 775.316.882 đồng x 2 = 1.550.633.764 đồng (*Một tỷ, năm trăm năm mươi triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi tư đồng*).

- Bà **N** được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là quyền sở hữu nhà quyền sử dụng đất tại địa chỉ **Lô C ô số 59 khu 4ha cụm 9 (địa chỉ mới là số B ngõ A đường H), phường P, quận B, thành phố Hà Nội** có giá trị là 3.101.267.530 đồng và 03 kỹ phần thừa kế của ông **Vũ Hải L** là 775.316.882 đồng x 3 = 2.325.950.646 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản bà **N** được hưởng là 5.427.218.176 đồng (*Năm tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm mười tám nghìn, một trăm bảy mươi sáu đồng*).

- Bà **Phạm Thị N** có trách nhiệm thanh toán cho chị **Vũ Quỳnh T** ký phần thừa kế chị **T** được hưởng từ ông **Vũ Hải L** là 775.316.882 đồng chậm nhất đến ngày 30/7/2024.

- Bà **N** được toàn quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với diện tích nhà đất tại địa chỉ Lô C ô số 59 khu 4ha cụm 9 (địa chỉ mới là **số B ngõ A đường H**), phường **P**, quận **B**, thành phố **Hà Nội** theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **DC 451676** do **Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố H** cấp ngày 18/06/2021 cho bà **Phạm Thị N** (bà **N** đồng thời là người đại diện cho các hàng thừa kế của ông **Vũ Hải L**).

Bà **N** có trách nhiệm đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **DC 451676** do **Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố H** cấp ngày 18/06/2021 theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị **Vũ Quỳnh T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **17.506.337** đồng (*Mười bảy triệu năm trăm linh sáu nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng*).

- Bà **Phạm Thị N** được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Dương Thị Sen

